

PHỤ LỤC 1

Các cơ sở pháp lý, văn bản chủ yếu liên quan đến đề tài luận án

T T	Loại văn bản – nội dung	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành- hiệu lực
1	Quyết định 132/HĐBT về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị	Hội đồng bộ trưởng	05/5/1990
2	Chỉ thị 19/CT về việc chấn chỉnh công tác quản lý đô thị	Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng	22/1/1991
3	Quyết định 322/BXD-ĐT về lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị,	Bộ Xây Dựng	28/12/1993 28/12/1993
4	Nghị định số 91/CP về điều lệ Quản lý quy hoạch đô thị	Chính phủ	17/08/1994
5	Thông tư số 25/BXD/QTKH hướng dẫn xét duyệt đồ án quy hoạch xây dựng đô thị	Bộ Xây Dựng	22/8/1995 22/8/1995
6	Nghị định 72/2001/NĐ-CP về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị	Chính phủ	05/10/2001 20/10/2001
7	Thông tư 03/BXD-CSXD hướng dẫn lập, xét duyệt quy hoạch xây dựng các thị trấn thị tứ	Bộ Xây Dựng	04/06/1997 04/06/1997
8	Thông tư liên tịch 02/2002/TTLT/BXD-BTCCBCP hướng dẫn về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị	Bộ Xây Dựng- Ban tổ chức cán bộ Chính phủ	08/03/2002 23/03/2002
9	Nghị định 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị	Chính phủ	07/05/2009 02/07/2009
10	Thông tư 34/2009/TT-BXD về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP	Bộ Xây Dựng	30/09/2009 14/11/2009
11	Luật Xây dựng số 16/2003/QH11	Quốc hội	26/11/2003 01/07/2004
12	Nghị định 08/ 2005/ NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị	Chính phủ	24/01/2005 (sau 15 ngày)
13	Thông tư 15/2005/TT-BXD Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng	Bộ Xây Dựng	19/08/2005 (sau 15 ngày)

14	Thông tư 07/2008/TT-BXD Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng	Bộ Xây Dựng	07/04/2008 (sau 15 ngày)
15	QCXDVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng việt nam - Quy hoạch xây dựng	Bộ Xây Dựng	03/04/2008 (sau 15 ngày)
16	Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12	Quốc hội	17/06/2009 01/01/2010
17	Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị	Chính phủ	07/04/2010 25/05/2010
18	Thông tư số 10/2010/TT-BXD quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị	Bộ Xây Dựng	11/08/2010 20/09/2010
19	Thông tư số 19/2010/TT-BXD hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị	Bộ Xây Dựng	22/10/2010 10/12/2010
20	Thông tư số 01/2011/TT-BXD hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Bộ Xây Dựng	27/01/2011 15/03/2011
21	Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày của hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị	Bộ Xây Dựng	13/05/2013
22	Thông tư số 16/2013/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị	Bộ Xây Dựng	16/10/2013
23	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Quốc hội	18/06/2014 01/01/2015
24	Nghị định số: 44/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng	Chính phủ	06/05/2015 30/06/2015
25	Quyết Định Số 602/TTG về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể thành phố Biên Hòa	Thủ tướng Chính phủ	20/12/1993
26	Quyết định số 227/2003/QĐ.TTG về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	06/11/2003
27	Quyết định số 2302/QĐ.UBND điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	25/07/2014

28	Quyết định số 2488/QĐ.TTG công nhận TP.Biên Hòa là đô thị loại I.	Thủ tướng Chính phủ	30/12/2015
29	Quyết định Số 217-QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội	Bộ Chính trị	12/12/2013
30	Quyết định 80/2005/QĐ-TTG ban hành về quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng	Thủ tướng Chính phủ	18/04/2005

PHỤ LỤC 2

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Phục vụ đề tài nghiên cứu sinh:

Vận dụng phương thức Quy hoạch chiến lược vào Quy trình Quy hoạch đô thị Việt Nam – Áp dụng cho TP. Biên Hòa

1. Quy hoạch chiến lược (QHCL) là một Phương thức tiếp cận đa dạng, đã được vận dụng linh hoạt ở nhiều nước trên thế giới. Theo anh, chị phương thức QHCL cần thiết thay thế hoàn toàn phương thức QHĐT Việt Nam hay chỉ cần thiết lồng ghép những nội dung có giá trị của phương thức QHCL?

- ☐ Cần thiết thay thế hoàn toàn
- ☐ Cần thiết lồng ghép những nội dung có giá trị
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....

.....

2. Theo anh, chị việc chế hóa nội dung “Xây dựng Tầm nhìn và Kế hoạch hành động” như quy trình QHCL vào quy trình QHĐT Việt Nam để trở thành công cụ linh hoạt hơn, thích ứng hơn với bối cảnh phát triển hiện nay và tương lai có cần thiết hay không?

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Không cần thiết
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....

.....

3. Kế hoạch hành động giúp chuyển hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch thực hiện. Do đó, kế hoạch hành động cần thúc đẩy chương trình đầu tư đa ngành, gắn

liên với chương trình phát triển đô thị. Theo anh, chị điều này sẽ thu hút và khai thác tối đa khả năng đầu tư của tất cả các nguồn lực cho tiến trình xây dựng và phát triển đô thị?

- ☐ Rất đồng ý
- ☐ Đồng ý
- ☐ Không đồng ý
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....

.....

4. Công tác đánh giá quy hoạch thông qua nội dung thẩm định và phê duyệt đồ án QHXD hiện nay hầu như chỉ tập trung vào giai đoạn hoàn thành sản phẩm, quá chú trọng xem xét các chỉ tiêu (quy chuẩn, tiêu chuẩn), chưa thật sự linh hoạt theo bối cảnh cũng như yếu tố đặc thù khu quy hoạch?

- ☐ Rất đồng ý
- ☐ Đồng ý
- ☐ Không đồng ý
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....

.....

5. Công tác giám sát & đánh giá liên tục sẽ giúp đạt được những kết quả mong muốn theo những mục tiêu đề ra phù hợp với bối cảnh của mỗi khu quy hoạch. Theo anh, chị cần thiết cải tiến công tác giám sát và đánh giá liên tục cho quy trình QHĐT Việt Nam như phương thức QHCL hay không?

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Không cần thiết
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....
.....

6. Theo anh, chị công tác tham vấn và tham gia của các bên liên quan bao gồm các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn, thành phần tư nhân (cá nhân và tổ chức tư nhân quan tâm) và cộng đồng địa phương cần được lồng ghép thực hiện trong mỗi nội dung và suốt quá trình thực hiện quy trình QHĐT Việt Nam như phương thức QHCL hay không?

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Không cần thiết
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....
.....

7. Theo anh, chị công tác quy hoạch đô thị tại các đô thị nói chung (trường hợp TP.Biên Hòa nói riêng) sẽ đạt những kết quả mong muốn hơn khi được quan tâm cải tiến những nội dung lồng ghép như đã nêu ở các mục trên hay không?

- ☐ Rất đồng ý
- ☐ Đồng ý
- ☐ Không đồng ý
- ☐ Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có):

.....
.....

Họ và tên chuyên gia:.....Chữ ký:.....

Cơ quan cộng tác (nếu có):.....

ĐT liên lạc:.....E.mail:.....

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Phục vụ cho đề tài nghiên cứu cứu sinh:

Vận dụng phương thức quy hoạch chiến lược vào quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam-
Áp dụng cho Thành phố Biên Hòa

ST T	LÃNH VỰC	NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN (Theo bảng câu hỏi)																											
		CÂU 1			CÂU 2				CÂU 3				CÂU 4				CÂU 5				CÂU 6				CÂU 7				
		1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+				+				+				+			
2	Nghiên cứu + Giảng dạy	+			+				+				+				+				+				+				
3	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+				+				+				+				+				+				
4	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+				+			+				+				
5	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+			+				+				+				+				
6	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+			+				+				+				+				
7	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
8	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
9	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
10	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+			+				+	+			+				+				
11	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+						+			+		+				+				+				
12	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+				+					+			+				+				+				
13	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+				+				+				+				+				+				
14	Nghiên cứu + Giảng dạy	+			+				+				+				+				+				+				
15	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+				+				+				+	+			+				+				
16	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+				+				+				+	+			+				+				
17	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+				+				+				
18	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				
19	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+	+			+				+				
20	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
21	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
22	Nghiên cứu + Giảng dạy		+		+					+				+			+				+				+				
23	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+						+	+				+	+			+				+				
24	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				
25	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				
26	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				
27	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				
28	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+				+				+			+	+			+				+				

29	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+			+				+			+				+					+			
30	Nghiên cứu + Giảng dạy		+			+			+				+			+	+			+					+		+	
		2	28	0	16	14	0	0	6	22	2	0	9	20	1	0	15	15	0	0	16	14	0	0	7	23	0	0
31	Tư vấn		+		+				+				+			+	+			+					+			
32	Tư vấn		+			+			+				+			+	+			+					+			
33	Tư vấn		+			+			+				+			+	+			+					+			
34	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
35	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
36	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
37	Tư vấn		+			+			+				+			+	+			+					+			
38	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
39	Tư vấn		+			+			+				+					+		+					+			
40	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
41	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
42	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
43	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
44	Tư vấn		+		+				+				+			+				+					+			
45	Tư vấn		+		+				+				+			+	+		-		+				+			
		0	15	0	11	4	0	0	12	3	0	0	11	4	0	0	9	5	1	0	3	12	0	0	9	6	0	0
46	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
47	Quản lý		+			+						+				+	+							+	+			
48	Quản lý		+			+			+				+			+	+			+					+			
49	Quản lý		+		+				+				+			+	+			+					+			
50	Quản lý		+			+					+		+			+	+			+					+			
51	Quản lý		+		+				+				+			+	+			+					+			
52	Quản lý		+		+				+				+			+								+	+			
53	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
54	Quản lý		+			+			+				+			+	+			+					+			
55	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
56	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
57	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
58	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
59	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
60	Quản lý		+		+				+				+			+				+					+			
		0	15	0	11	4	0	0	8	5	1	1	4	10	0	1	9	6	0	0	11	2			2	8	7	
	TỔNG HỢP	2	58	0	38	22	0	0	26	30	3	1	24	34	1	1	33	26	1	0	30	28	0	2	24	36	0	0

Ghi chú:

- Câu 1: 1 = Cần thiết thay thế hoàn toàn
 2 = Cần thiết lồng ghép những nội dung có giá trị
 3 = Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có)
- Câu 2,5,6: 1 = Rất cần thiết
 2 = Cần thiết
 3 = Không cần thiết
 4 = Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có)
- Câu 3,4,7: 1 = Rất đồng ý
 2 = Đồng ý
 3 = Không đồng ý
 4 = Ý kiến khác (hoặc bổ sung, nếu có)

PHỤ LỤC 4

BẢNG CÂU HỎI TRONG PHƯƠNG PHÁP CHECKLIST ĐỂ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH

- + Tại sao cần phải triển khai đồ án?
- + Vấn đề và nhu cầu đưa ra là gì?
- + Các bên liên quan bao gồm là ai (những người có khả năng tin cậy, quyền lực, hoặc các nguồn vốn tham gia vào đồ án)?
- + Ai là những người quan tâm đến đồ án?
- + Các bên liên quan muốn biết điều gì?
- + Các câu hỏi nào là quan trọng nhất hay ít quan trọng hơn đối với các bên?
- + Các mối quan tâm có cùng chung quan điểm không?
- + Những xung đột có thể xảy ra là gì?
- + Những người tham gia nào sẽ được phục vụ?
- + Những hành động và chiến lược sẽ chỉ ra các vấn đề hoặc nhu cầu đã được xác định?
- + Sự can thiệp là gì?
- + Người tham gia sẽ được lợi ích thế nào?
- + Những kết quả mong đợi là gì?
- + Chương trình sẽ được diễn ra ở đâu, sẽ bắt đầu và kết thúc khi nào?
- + Chương trình sẽ hoạt động thời gian bao lâu?
- + Chi phí là bao nhiêu?
- + Ngân sách phân bổ cho chương trình thế nào?
- + Các nguồn lực và thể chế cho chương trình thế nào?
- + Công tác giám sát và đánh giá thế nào?
- + Các kết quả mà đồ án muốn đạt được ở mức độ nào?
- + Những hiệu quả được mong đợi của đồ án trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn là gì?

- + Sắp xếp những gì đã được được tạo ra cho thu thập dữ liệu?
- + Những hiểu biết về giữ gìn hồ sơ, trả lời các cuộc điều tra, và tham gia vào thử nghiệm?

PHỤ LỤC 5

NỘI DUNG TÓM TẮT QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ BIÊN HÒA THEO THEO CÁC GIAI ĐOẠN ĐÃ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa giai đoạn 1993-2010

Đồ án quy hoạch tổng thể xây dựng thành phố Biên Hòa do Cty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp - Bộ Xây dựng lập, sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng tại văn bản số: 1620/BXD-ĐT ngày 18 tháng 12 năm 1993 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số: 602/TTg ngày 20 tháng 12 năm 1993 với nội dung chính sau đây:

- Tính chất đô thị

Thành phố Biên Hòa là trung tâm kinh tế chính trị văn hóa xã hội của tỉnh Đồng Nai, là một thành phố công nghiệp lớn của cả nước và là một trung tâm của vùng trọng điểm kinh tế ở phía Nam bao gồm TP. HCM, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương, Có ý nghĩa quan trọng về mặt an ninh quốc phòng đối với khu vực.

- Quy mô dân số và đất đai

Dân số Thành phố Biên Hòa năm 1993: 331.000 người.

Dự báo dân số năm 2010 là : 750.000 – 800.000 người trong đó dân số nội thành 650.000 - 700.000 người.

Tổng nhu cầu dùng đất xây dựng đô thị năm 2010 : 6.155 ha

Hướng chọn đất xây dựng:

Cải tạo sử dụng có hiệu quả quỹ đất xây dựng hiện hữu 3.700 ha.

Hướng phát triển đô thị mở rộng chủ yếu về phía Đông và một phần ven hữu ngạn sông Đồng Nai.

Trên cơ sở đó, quá trình xây dựng và phát triển thành phố Biên Hòa cũng đã đạt được một số kết quả theo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được phê duyệt, cụ thể một số chỉ tiêu tổng hợp đến năm 2000:

- Về dân số: Dân số thành phố Biên Hòa theo thống kê 12/2000 là: 481.953 người (ít hơn so với dự báo năm 2.000 là 18.017 người).

- Về sử dụng đất xây dựng đô thị:

Đất xây dựng đô thị: Hiện trạng năm 2000 là 4.201 ha, tương đối phù hợp với dự báo là 4.540 ha.

- Về số liệu phát triển công nghiệp:

Các khu công nghiệp mới hình thành là: KCN Biên Hòa 2 (365 ha), KCN Amata (700ha, đợt đầu 129 ha), KCN Loteco (100 ha) và KCN Biên Hòa 1 hiện hữu (335 ha). Theo dự báo năm 1993 là 1.300 ha, hiện tại đã xây dựng hạ tầng 930 ha.

Hướng phát triển đô thị về phía Đông bị hạn chế khi phát triển thêm các khu công nghiệp Hố Nai, Sông Mây.

- Về kiến trúc - xây dựng đô thị:

Đã xây dựng và cải tạo một số công trình hạ tầng kỹ thuật như mở rộng đường hiện hữu, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, xây cầu, tổ chức bến xe. Tuy vậy chưa thực hiện được kế hoạch xây dựng các tuyến đường mới (đường trục ra sông, đường ven sông, đường 5 nối dài,... trong quy hoạch đợt đầu đã dự kiến).

Một số khu nhà ở đã được xây dựng: Ngã ba Vũng Tàu, Ngã ba thành và một số trục đường mới: Nguyễn Văn Trỗi, Đồng Khởi, QL1. Tuy vậy chưa thể hiện được các khu và trục đô thị mới, còn xây dựng manh mún, chắp vá. Chưa tạo được bộ mặt kiến trúc mới.

- Quy trình lập, thẩm tra quy hoạch:

Quy trình quy hoạch chung thành phố Biên Hòa được thực hiện dựa vào cơ sở pháp lý tại quyết định số 322/1993 QĐ-ĐT và Nghị định 91-CP ngày 17/08/1994 của Chính phủ.

2. Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa giai đoạn 2003-2020

Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa được điều chỉnh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 227/2003/QĐ.TTg ngày 06/11/2003 với

một số nội dung chính như sau:

Tính chất đô thị:

Thành phố Biên Hòa là Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của tỉnh Đồng Nai, là một thành phố công nghiệp lớn của cả nước và là một trung tâm của vùng trọng điểm kinh tế ở phía Nam bao gồm thành phố Hồ Chí Minh – Biên Hòa – Vũng Tàu và có ý nghĩa quan trọng về mặt an ninh, quốc phòng đối với khu vực, là một trong các cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

Quy mô đô thị:

Quy mô dân số:

Dự báo năm 2010: 645.000 người, trong đó nội thị 615.000 người (95,35%)

Dự báo năm 2020: 830.000 người, trong đó nội thị 800.000 người (96,38%)

Quy mô đất đai đô thị:

Diện tích tự nhiên: 15.466,77 ha

Đất xây dựng đô thị hiện trạng năm 2002: 6.253ha, trong đó đất dân dụng: 3297,82 ha

Dự kiến đến năm 2010: 8.132 ha, trong đó đất dân dụng: 4.128 ha

Dự kiến đến năm 2020: 9.966 ha, trong đó đất dân dụng: 5.013 ha

Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Khu vực dân cư: Tổ chức thành 8 khu vực dân cư liên phường xã

- Các khu công nghiệp: Tiếp tục đầu tư xây dựng phát triển các khu công nghiệp tập trung quy mô khoảng 1100 ha đã ổn định nằm về phía Nam thành phố. Từng bước giải tỏa, di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có gây ô nhiễm trong các khu dân cư, đưa vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Xây dựng cụm công nghiệp gốm sứ, vật liệu xây dựng tại Tân Hạnh, cụm công nghiệp chế biến gỗ tại Tam Hòa.

- Khu trung tâm đô thị: Hình thức tổ chức trung tâm: đa trung tâm kết hợp "điểm" và "tuyến", phân thành 2 loại với chức năng hoạt động và hình thái tổ chức khác nhau: Trung tâm hành chính - chính trị và hệ thống trung tâm thương mại - dịch vụ - công cộng được hình thành kết hợp "điểm" và "tuyến" trên các giao lộ chính, các trung tâm khu dân cư và các trục đường chính một cách linh hoạt.

- Hệ thống công viên - cây xanh - văn hóa thể dục thể thao - du lịch nghỉ dưỡng:

Đầu tư xây dựng các khu công viên cây xanh lớn, đạt tiêu chuẩn cây xanh 10 m²/người. Xây dựng các công viên nhỏ trong các khu vực dân cư, đảm bảo tiêu chuẩn cây xanh trong khu ở 3 - 4 m²/người. Hệ thống công viên tập trung cấp Thành phố, hệ thống công viên khu vực được nối kết bằng cây xanh đường phố, tạo thành hệ thống cây xanh đô thị liên hoàn.

Công trình thể dục thể thao: Xây dựng hoàn thiện sân vận động Biên Hòa (35 ha) thành một khu trung tâm thể thao cấp tỉnh và vùng. Xây dựng các sân thể dục thể thao khu vực liên phường, phường và khu ở.

Một số kết quả của đồ án quy hoạch chung thành phố Biên hòa trong công tác xây dựng và phát triển đô thị như sau:

Về dân số và lao động:

Dân số thành phố Biên Hoà theo thống kê 9/2010 là: 719.281 người (không tính dân số của 4 xã mới nhập vào) nhiều hơn so với dự báo năm 2010 là 645.000 người. Do đó nguồn lao động cũng tăng hơn, tuy nhiên lao động được đào tạo còn khá thấp (44%)

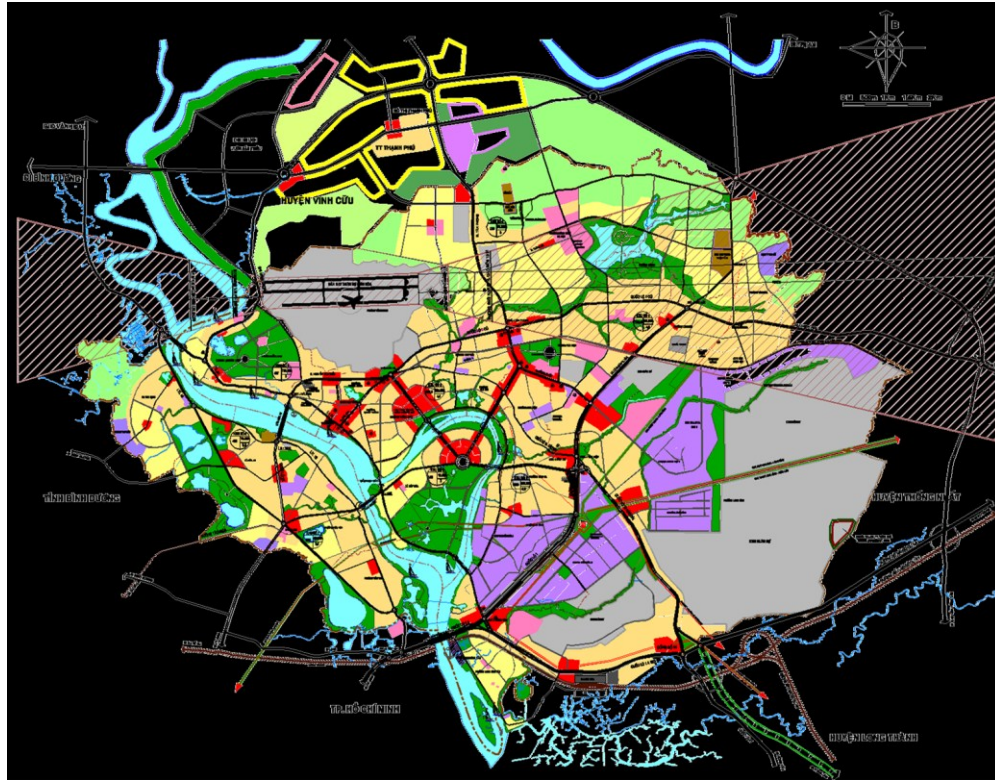
Về sử dụng đất xây dựng đô thị:

Đất xây dựng đô thị: Hiện trạng năm 2010 là 13.987,32 ha (tính cả diện tích đất của 4 xã sáp nhập vào), so với dự báo là 8.132 ha.

Về số liệu phát triển công nghiệp:

Các khu công nghiệp hiện hữu nâng cấp và mở rộng và các khu công nghiệp trên địa bàn các xã sáp nhập làm cho diện tích công nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa tăng

diện tích lớn 2.202 ha, so với quy mô dự báo khoảng 1100 ha là cơ sở xác định cơ cấu kinh tế của thành phố Biên Hòa.



Sơ đồ định hướng phát triển không gian đến năm 2030 của QHC Tp. Biên Hòa (nguồn Phòng QLDT thành phố Biên Hòa)

Về kiến trúc - xây dựng đô thị:

Đã xây dựng và cải tạo một số công trình hạ tầng kỹ thuật như xây dựng một số tuyến đường chính đô thị như đường Võ thị Sáu, đường vào Văn miếu Trấn Biên và mở rộng đường hiện hữu, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, xây cầu, tổ chức bến xe.

Một số khu nhà ở đã được xây dựng: Khu dân cư Bình Thiên, hai bên các trục đường Nguyễn Ái Quốc, Đường Võ thị Sáu. Các công trình kiến trúc có chú ý đến hình thức kiến trúc, đặc biệt đã triển khai một số công trình kiến trúc cao tầng mang lại hiệu quả khá tốt về tổ chức không gian kiến trúc cho thành phố.

3. Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa giai đoạn 2010-2030 và tầm nhìn đến năm 2050

- Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã thực hiện giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt tại quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 và giai đoạn lập đồ án quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 25/07/2014 của UBND Tỉnh Đồng Nai với một số nội dung chính như sau:

3.1 Giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch:

Thực hiện đúng quy trình quy hoạch theo cơ sở pháp lý hiện hành bao gồm:

Bước 1: Lập nội dung nhiệm vụ quy hoạch gồm:

- Xác định phạm vi nghiên cứu;
- Tính chất đô thị;
- Quan điểm phát triển;
- Mục tiêu nghiên cứu;
- Dự báo quy mô;
- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;
- Nội dung nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm phân tích đánh giá hiện trạng phát triển của thành phố Biên Hòa, Phân tích đánh giá đồ án quy hoạch chung thành phố Biên Hòa được phê duyệt năm 2003, việc thực hiện quy hoạch và đầu tư phát triển địa phương, xác định động lực phát triển, tính chất, quy mô, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu cho các giai đoạn phát triển ngắn hạn 2010-2020, dài hạn đến năm 2030, đề xuất định hướng phát triển không gian thành phố Biên Hòa trong mối quan hệ vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng thành phố Hồ Chí Minh và vùng tỉnh Đồng Nai, xác định vùng kiến trúc cảnh quan và định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan cho các khu chức năng của thành phố Biên Hòa, đề xuất phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường chiến lược;

- Thành phần hồ sơ quy định thực hiện theo các cơ sở pháp lý hiện hành của Nghị định số 37,38,39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010, quyết định số 21/2005/QĐ.BXD ngày 22/07/2005, thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/08/2010 phục vụ cho công tác lập và thẩm định đồ án quy hoạch;

- Tiến độ thực hiện đồ án quy hoạch;

- Tổ chức thực hiện: Do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa làm chủ đầu tư, đơn vị lập đồ án quy hoạch: Phân viện quy hoạch đô thị - nông thôn miền Nam phối hợp với chuyên gia tư vấn nước ngoài, thời gian lập và trình duyệt hồ sơ là 09 tháng, nguồn vốn thực hiện là ngân sách.

Bước 2: Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư qua việc gửi hồ sơ lấy ý kiến.

Bước 3: Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch do sở xây dựng Đồng Nai chủ trì.

Bước 4: Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

3.2 Giai đoạn lập đồ án quy hoạch

Tóm tắt nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung tỉ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo quyết định phê duyệt số 2302/QĐ-UBND ngày 25/07/2014) như sau:

- **Xác định phạm vi nghiên cứu;**

- **Tính chất, quan điểm và mục tiêu phát triển:**

+ **Tính chất, chức năng:**

- Biên Hòa là đô thị tổng hợp cấp vùng loại I và là đô thị vệ tinh độc lập trong vùng đô thị trung tâm (vùng bán kính 30km) của Vùng thành phố Hồ Chí Minh; cùng thực hiện chức năng cấp vùng với đô thị hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh như Tài chính, thương mại dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, giải trí, thể dục thể thao.

- Là một trong các trung tâm công nghiệp, văn hóa, thương mại dịch vụ, khoa học - công nghệ và đào tạo, đầu mối giao lưu quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía

Nam, vùng thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ, vùng tỉnh Đồng Nai và có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng.

- Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai.

+ Quan điểm phát triển:

- Phát triển dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa và sinh thái;

- Tăng năng lực cạnh tranh với các đô thị khác;

- Phát triển thành phố hỗn hợp, đa chức năng;

- Phát triển hài hòa giữa khu vực phát triển mới và các khu vực cải tạo chỉnh trang đô thị, giữa phát triển không gian kiến trúc đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai dựa trên cấu trúc không gian xanh và mặt nước.

+ Mục tiêu phát triển:

Xây dựng Biên Hòa thành một thành phố văn hóa và sống tốt, phát huy các giá trị bản địa đặc trưng về văn hóa lịch sử; về cảnh quan sinh thái và môi trường tự nhiên sông nước sông Đồng Nai trong phát triển không gian đô thị hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết với các chiến lược phát triển của quốc gia, vùng thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng một thành phố thịnh vượng và năng động về kinh tế, có sức cạnh tranh cao trên bình diện vùng, quốc gia và quốc tế, với thế mạnh hạ tầng kết nối vùng và quốc tế, với các mũi nhọn kinh tế về dịch vụ đa ngành cao cấp và công nghiệp công nghệ cao.

Quy mô: Tăng quy mô diện tích tự nhiên của thành phố Biên Hòa từ 15.466,77 ha lên 26.354,82 ha do nhập thêm 4 xã từ huyện Long Thành. Đây là tác động lớn nhất đến cấu trúc của thành phố Biên Hòa. Đến năm 2030 dân số khoảng 1,3 -1,4 triệu người với diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 21.000-22.000 ha, trong đó đất dân dụng là 12.000-13.000, chỉ tiêu 85-90 m²/người.

- Mô hình phát triển và cấu trúc không gian đô thị:

Thành phố Biên Hòa có mô hình phát triển không gian theo cấu trúc chuỗi đô thị đa trung tâm dọc theo trục sông Đồng Nai và trục Quốc lộ 51 với hướng phát triển chính về phía Nam.

- Định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2030

+ **Phân vùng phát triển:** Phân thành 4 vùng phát triển bao gồm vùng phát triển đô thị, vùng phát triển công nghiệp, vùng quân sự và vùng cảnh quan không gian xanh và không gian mở, mặt nước.

+ **Định hướng phát triển các khu đô thị:** Với 2 khu vực phát triển, trên cơ sở các trục giao thông chính đô thị, địa giới hành chính các phường, xã và các đặc điểm lịch sử, địa lý và chức năng phát triển,... phân vùng phát triển 04 khu đô thị với 21 phân khu gồm:

+ Khu vực Bắc Biên Hòa bao gồm: Khu trung tâm lịch sử chia thành 9 phân khu phát triển theo hướng cải tạo và chỉnh trang là chủ yếu với tính chất là đa chức năng nhằm khai thác và phát huy tốt giá trị đặc trưng của khu đô thị; và Khu đô thị trung tâm mở rộng phía Đông chia thành 5 phân khu phát triển theo hướng vừa cải tạo chỉnh trang vừa phát triển mới với các chức năng là trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị, công nghiệp, các trung tâm chuyên ngành cấp vùng về đào tạo, các trung tâm thương mại dịch vụ các cấp, khu vực cải tạo chỉnh trang, bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, các khu ở phát triển mới,...

+ Khu vực Nam Biên Hòa bao gồm: Khu đô thị phía Tây cao tốc Biên Hòa- Vũng Tàu với 5 phân khu theo hướng phát triển mới là chủ yếu gắn với cảnh quan sông nước với tính chất đa chức năng trong đó chức năng chính là trung tâm chính trị hành chính văn hóa cấp tỉnh, các trung tâm cấp vùng và nhiều chức năng hỗn hợp; và Khu đô thị phía Đông cao tốc Biên Hòa- Vũng Tàu với 2 phân khu theo hướng phát triển mới là chủ yếu gắn cũng với tính chất đa chức năng.

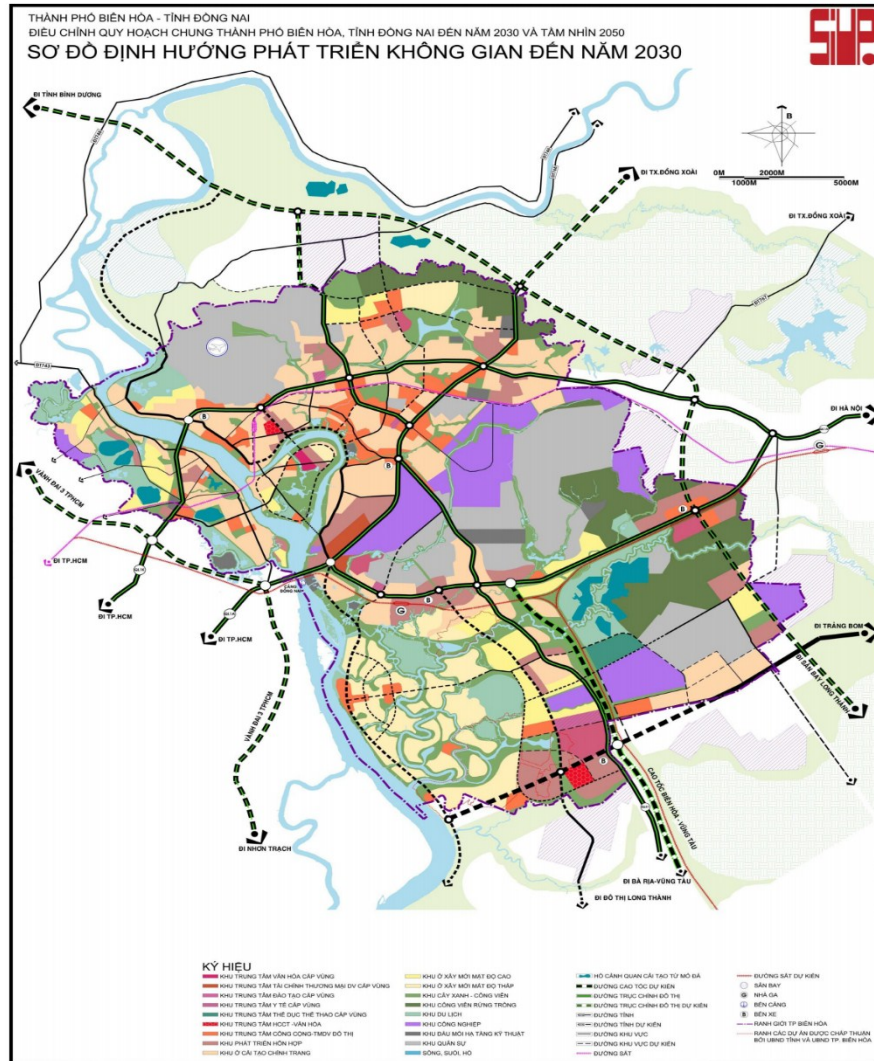
+ **Định hướng phát triển hệ thống các trung tâm đô thị và trung tâm chuyên ngành:** bao gồm các khu trung tâm cấp vùng, tỉnh như khu trung tâm chính trị hành chính văn hóa tỉnh Đồng Nai tại khu vực xã Tam phước, khu trung tâm tài chính thương mại dịch vụ tại khu vực khu công nghiệp Biên Hòa 1 chuyển đổi chức năng, khu trung tâm văn hóa tại cù lao Hiệp Hòa, các khu trung tâm du lịch, các khu trung tâm y tế, các khu trung tâm đào tạo nghiên cứu, khu trung tâm thể dục thể thao tại xã Phước Tân và các khu trung tâm cấp thành phố tại phường Thống Nhất, khu đô thị, khu ở theo từng khu vực.

+ **Định hướng phát triển không gian ở:** bao gồm các khu vực cải tạo chỉnh trang phù hợp với đặc điểm, đặc trưng của từng khu vực và các khu ở xây mới với khu ở mới mật độ cao, mật độ trung bình và thấp tùy theo đặc điểm tự nhiên, cảnh quan của từng khu vực.

+ **Định hướng không gian công nghiệp và các khu đầu mối hạ tầng, dịch vụ logistic:** Không gian công nghiệp không phát triển mới, từng bước nâng cấp thành các khu công nghiệp sạch, công nghệ cao, giảm dần diện tích đất công nghiệp từng bước chuyển đổi cấu trúc kinh tế, theo hướng tăng cường chất lượng dịch vụ, môi trường, cảnh đô thị. Cải tạo, nâng cấp và phát triển mới các khu đầu mối hạ tầng đáp ứng yêu cầu và tiêu chuẩn.

+ **Định hướng phát triển không gian cây xanh, công viên chuyên đề và không gian mở:** là yếu tố chính trong việc thực hiện mục tiêu sinh thái của đô thị thông qua việc hình thành hệ thống các công viên chuyên đề kết nối với các hành lang xanh dọc theo sông suối và không gian xanh nông nghiệp ngoài đô thị như công viên văn hóa - sinh thái Cù lao Hiệp Hòa, Công viên Xóm Mai – Trảng Dài, Tuyến công viên ven sông Đồng Nai và sông Cái, hệ thống kênh rạch, tuyến công viên sinh thái phía Nam Biên Hòa, công viên rừng trồng ở Trảng Dài, Long Bình và Phước Tân, tổ chức các mảng xanh kết hợp đường giao thông, ven hai bên kênh rạch, tổ chức các mảng xanh, không gian mở trong các khu chức năng có quy mô lớn,... qua đó khai thác phát triển các tuyến, khu,

điểm du lịch trên cơ sở kết hợp với các di tích kiến trúc, đặc trưng văn hóa lịch sử của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.



Sơ đồ Định hướng phát triển không gian thành phố Biên Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Nguồn: Phòng QLĐT thành phố Biên Hòa)

+ **Các khu đất an ninh quốc phòng:** có diện tích khoảng 4000 ha, bao gồm sân bay quân sự Biên Hòa, tổng kho Long Bình, trường sĩ quan lục quân và các khu đất quốc phòng nằm rải rác trong thành phố được duy trì cho mục tiêu an ninh quốc phòng.

- Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất tự nhiên 26.355 ha bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị: khoảng 21.000 ha trong đó:

+ Đất dân dụng: 12.600 ha

+ Đất trung tâm chuyên ngành cấp vùng: 700 ha

+ Đất công nghiệp: 1.900 ha

+ Đất du lịch: 1.500 ha

+ Giao thông đối ngoại và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 700 ha

+ Đất quốc phòng: 4.000 ha

- Đất khác: 4.400 ha

- Định hướng thiết kế đô thị:

- Thiết lập một khung thiết kế đô thị tổng thể bao gồm việc xác định các trục, các vùng kiểm soát phát triển, hệ thống các công trình điểm nhấn, hệ thống cây xanh, công viên cảnh quan, mặt nước không gian mở.

- Thiết lập các chỉ tiêu và định hướng thiết kế, kiểm soát phát triển chung.

- Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông:

Giao thông đối ngoại: Tổ chức hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy nối kết thành phố Biên Hòa với vùng Hồ Chí Minh và quốc gia. Riêng đường hàng không duy trì sân bay Biên Hòa phục vụ cho mục đích quân sự.

Giao thông nội đô thị: Bố trí hệ thống đường chính đô thị bao gồm 4 trục dọc có lộ giới từ 28 mét trở lên và 4 trục ngang có lộ giới từ 32 mét trở lên, trên cơ sở gắn liền với điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng phát triển không gian của thành phố. Các đường khu vực và nội bộ sẽ được cải tạo nâng cấp, xây dựng mới, kết hợp với các mảng xanh đảm bảo năng lực lưu thông bên trong đô thị. Tổ chức các nút giao thông khác cốt tại các vị trí quan trọng, đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Giao thông công cộng: Tổ chức tuyến Metro, đường sắt, các tuyến xe buýt công cộng, taxi thủy đáp ứng nhu cầu đi lại trong thành phố và kết nối các khu vực lân cận.

+ **Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:** Chủ yếu san lấp cục bộ khi xây dựng, cao độ xây dựng tối thiểu từ 2,4m trở lên. Xây thêm một số hồ điều hòa và các yêu cầu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ **Cấp nước:** Nguồn cấp nước từ sông Đồng Nai với chất lượng tốt, trữ lượng dồi dào với các nhà máy nước hiện hữu giữ nguyên công suất và nâng cấp nhà máy nước Thiện Tân lên 300.000 m³/ngày đến năm 2030 đáp ứng tổng nhu cầu dùng nước tới năm 2030 là 440.000 m³/ngày.

+ **Cấp điện:** Nguồn cấp điện từ lưới điện quốc gia, thủy điện Trị An, nhiệt điện Nhơn Trạch, Amata, Formosa, Vedan. Cải tạo nâng công suất và xây dựng thêm các trạm biến thế, mạng lưới điện theo từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu phụ tải và phân bố mạng lưới điện đến năm 2030 đáp ứng phụ tải điện đến năm 2030 khoảng 1.700.000 kw.

+ **Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:**

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt được đưa về các khu xử lý nước thải được phân bố theo từng khu vực đáp ứng tổng công suất nước thải sinh hoạt đến năm 2030 là khoảng 240.000 m³/ngày. Nước thải công nghiệp được xử lý tại các dự án khu, cụm công nghiệp với tổng công suất đến năm 2030 khoảng 45.000 m³/ngày, đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Rác sinh hoạt đưa về khu xử lý liên hợp tại huyện Vĩnh Cửu, rác công nghiệp đưa về xử lý tại bãi rác Quang Trung, Huyện Thống Nhất.

- Nghĩa trang Biên Hòa tại phường Tân Biên và xã Phước Tân, nghĩa trang Vĩnh Hằng mang tính liên vùng tại xã Tân An huyện Vĩnh Cửu. Tổ chức 4 nhà Tang lễ trong 4 khu đô thị của thành phố.

+ **Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Gắn kết vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu vào quá trình quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường của địa phương và quá trình triển khai các dự án.

- Đưa ra các mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm nước mặt, không khí, giảm thiểu các tác động do ô nhiễm tồn lưu, tăng diện tích cây xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đề ra các giải pháp cụ thể trước mắt cho việc giảm thiểu các tác động và ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thông qua các chính sách về việc cải tạo, chỉnh trang, di dời, khuyến khích,... đáp ứng các mục tiêu đề ra.

- Các chương trình dự án ưu tiên thực hiện:

+ Về công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị:

+ Cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch chung được duyệt thông qua các hồ sơ triển khai các bước tiếp theo.

+ Tổ chức lập các chương trình quản lý và phát triển đô thị.

+ **Các dự án chiến lược:** Đưa ra một loạt các dự án chiến lược bao gồm trung tâm dịch vụ công cộng cấp tỉnh tại xã Tam phước, trung tâm dịch vụ công cộng thành phố Biên Hòa tại phường Thống Nhất, trung tâm tài chính thương mại dịch vụ cấp vùng tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 (hiện hữu), trung tâm văn hóa cấp vùng tại cù lao Hiệp Hòa, dự án trục sinh thái ven sông Đồng Nai, dự án trục chính đô thị kết nối các trung tâm đô thị và các trung tâm chuyên ngành.

+ **Các dự án hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư:** Tập trung phần lớn các dự án ưu tiên trong phát triển giao thông đối nội và đối ngoại của hệ thống khung chính quan trọng của thành phố Biên Hòa, xây dựng tuyến kè dọc các bờ sông rạch chính ở khu vực trung tâm, phát triển hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, và xây dựng mới các tuyến điện, các trạm biến thế.

- **Quy định quản lý:** Ban hành quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Biên Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- **Nguồn lực thực hiện:** Nguồn vốn đầu tư được huy động từ nhiều nguồn khác nhau như từ chính quyền các cấp, các tổ chức trong và ngoài nước, đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa – thể thao,... Khai thác quỹ đất, tài sản công, tài nguyên địa phương và các nguồn khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng. Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

PHỤ LỤC 6

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 2302/QĐ-UBND NGÀY 25/07/2014 CỦA UBND TỈNH ĐỒNG
NAI VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG TỶ LỆ 1/10.000 TP. BIÊN
HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**